

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 299 và 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 53/2023/ TLST- KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N (A); địa chỉ trụ sở: số B phố L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Vũ Dương Q sinh năm 1974; địa chỉ: số B, phố A, đường V, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A và Quyết định số 857/QĐ-NHNo.NNB-TH ngày 21/09/2023 của Giám đốc A Chi nhánh N1).

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M; địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp L, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị T sinh năm 1982; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 58/GUQ-MĐ ngày 20/9/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV M).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ, phương án trả nợ:

2.1.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Công ty TNHH M có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 3303-LAV201900729 ngày 14/06/2019 cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 20/9/2024 là 146.256.650.871 đồng (*một trăm bốn mươi sáu tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn tám trăm bảy mươi một đồng*); trong đó: nợ gốc 112.886.562.000 đồng (*một trăm mười hai tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*); nợ lãi 33.370.088.871 đồng (*ba mươi ba tỷ ba trăm bảy mươi triệu không trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi một đồng*) gồm: lãi trong hạn 30.607.792.785 đồng (*ba mươi tỷ sáu trăm linh bảy triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*) và lãi quá hạn 2.762.296.086 đồng (*hai tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm tám mươi sáu đồng*);

Kể từ ngày 21/9/2024, Công ty TNHH MTV M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận theo hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp Ngân hàng có điều chỉnh lãi cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty TNHH MTV M phải tiếp tục thanh toán cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.1.2. Về phương án trả nợ: Công ty TNHH MTV M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ gốc và lãi là 146.256.650.871 đồng (*một trăm bốn mươi sáu tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn tám trăm bảy mươi một đồng*) theo phương án sau:

Năm 2024: Đến ngày 31/12/2024 trả nợ gốc 4.500.000.000 đồng (*bốn tỷ năm trăm triệu đồng*)

Năm 2025 trả nợ gốc: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*) vào 2 kỳ:

+ Kỳ 1 đến ngày 30/06/2025 trả: 5.000.000.000 đồng (*năm tỷ đồng*)

+ Kỳ 2 đến ngày 31/12/2025 trả: 5.000.000.000 đồng (*năm tỷ đồng*)

Năm 2026 trả nợ gốc 15.000.000.000 đồng (*mười lăm tỷ đồng*) vào 2 kỳ

+ Kỳ 1 đến ngày 30/06/2026 trả: 7.000.000.000 đồng (*bảy tỷ đồng*)

+ Kỳ 2 đến ngày 31/12/2026 trả: 8.000.000.000 đồng (*tám tỷ đồng*)

Năm 2027 trả nợ gốc 15.000.000.000 đồng (*mười lăm tỷ đồng*) vào 2 kỳ:

+ Kỳ 1 đến ngày 30/06/2027 trả: 7.000.000.000 đồng (*bảy tỷ đồng*)

+ Kỳ 2 đến ngày 31/12/2027 trả: 8.000.000.000 đồng (*tám tỷ đồng*)

Năm 2028 trả nợ gốc 20.000.000.000 đồng (*hai mươi tỷ đồng*) vào 2 kỳ:

+ Kỳ 1 đến ngày 30/06/2028 trả: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*)

+ Kỳ 2 đến ngày 31/12/2028 trả: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*)

Năm 2029 nợ gốc 20.000.000.000 đồng (*hai mươi tỷ đồng*) vào 2 kỳ:

+ Kỳ 1 đến ngày 30/06/2029 trả: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*)

+ Kỳ 2 đến ngày 31/12/2029 trả: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*)

Năm 2030 trả nợ gốc 20.000.000.000 đồng (*hai mươi tỷ đồng*) vào 2 kỳ:

+ Kỳ 1 đến ngày 30/06/2030 trả: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*)

+ Kỳ 2 đến ngày 31/12/2030 trả: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*)

Năm 2031 trả nợ gốc 8.386.562.000 đồng (*tám tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*); trả nợ lãi 33.370.088.871 đồng (*ba mươi ba tỷ ba trăm bảy mươi triệu không trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi một đồng*) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh của công ty vào 2 kỳ:

+ Kỳ 1 đến ngày 30/06/2031 trả nợ gốc 8.386.562.000 đồng (*tám tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

+ Kỳ 2 đến ngày 31/12/2031 trả số tiền lãi 33.370.088.871 đồng (*ba mươi ba tỷ ba trăm bảy mươi triệu không trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi một đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 21/9/2024 cho đến khi Công ty thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty TNHH M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc hoặc lãi (vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào) theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp của Công ty TNHH MTV M theo hợp đồng thế chấp tài sản số 201905013 ngày 06/06/2019, Hợp đồng thế chấp tài sản số 201905014 ngày 06/06/2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng N. Các tài sản thế chấp gồm:

- 01 Máy câu thủy lực bánh xích 35 tấn Hitachi KH 125-3, móc câu 2 chiếc (35T+5T), chiều dài cần 31m, đầy đủ chốt cần, cáp cương; số seri 222-0844; số động cơ H06C-TB24002; biển kiểm soát 35XA - 0432

- 01 Máy xúc lật bánh lốp DAEWOO; số khung: MG300-0014 DAEWOO MEGA300; biển kiểm soát 35LA-0161

- 01 Xe Ô tô Hyundai tải ben; số khung: 189685; số máy: 035772; biển kiểm soát 35C - 010.44

- 01 Xe trộn bê tông hiệu Deawoo 60P-0515; số khung: KL3K4MRF16K-00317; số máy: DV1151496XA; biển kiểm soát 35C-009.62

- 01 Xe trộn bê tông hiệu Deawoo 60P-0572; số khung: KL3K4MRF17K-000443; số máy: DV11700337XA; biển kiểm soát 35C-015.90

- 01 Xe trộn bê tông hiệu Hyundai 60P – 0553; số khung: KMCDH18TP7C-016750; số máy: D6CB-6133144; biển kiểm soát 35C-011.31

- 01 Máy đào bánh xích Komatsu PC200-3; số khung: 32054; biển kiểm soát 35XA-0433
- 01 Máy đào bánh xích Kobelco SK200; số khung: YNU 0084; biển kiểm soát 35XA-0431
- 01 Máy đào bánh lốp hiệu Daewoo Solar 200W-III; số khung: SL200W-0554; số máy: D1146700075EE; biển kiểm soát 35LA - 0115.
- 01 Máy đào bánh lốp hiệu Daewoo Solar 200W-V; số khung: SL200-1478; số máy: DB58TI200172EB; biển kiểm soát 35LA- 0117
- 01 Máy đào bánh xích hiệu Daewoo Solar 220 LC-III; số khung: SL220 LC-III-1211; số máy: D1146600674 ED; biển kiểm soát 35XA - 0133
- 01 Máy đào bánh xích hiệu Daewoo Solar 290LC-V; số khung: SL290LC-V 0186; số máy: D1146TI 700203EA; biển kiểm soát 35XA - 0137
- 01 Máy cầu thủy lực bánh xích 55T Kobelco 7055, chiều dài cần 30,48m, móc cầu 55T và 5T; số khung: 6D22172149; số máy: 00276; biển kiểm soát 35XA-0199
- 01 Máy ủi bánh xích Komatsu D41; số khung: 30743705; số máy: D41P-6-B21669; biển kiểm soát 35XA - 0138
- 01 Xe ô tô tải hiệu Hyundai Trago; số khung: KMFRA18TP7C017399; số máy: D6CB73134255; biển kiểm soát 35H -1078
- 01 Xe Ô tô Cứu Long A-00056 DFA 12080D; số khung: 91A00056; số máy: E05D1900840; biển kiểm soát 35N - 9190
- 01 Xe Ô tô Cứu Long A-00059 DFA 12080D; số khung: 00059; số máy: 1900812; biển kiểm soát 35N – 9234
- 01 Xe bồn bê tông 7m³ Hyundai; số khung: KMCDH18SPAC045911; số máy: D6 CAA191215; biển kiểm soát 35C-022.08.
- 01 Xe bồn bê tông 7m³ Hyundai; số khung: KMCDH18SPAC045919; số máy: D6CAA191682; biển kiểm soát 35C-022.74
- 01 Xe bồn bê tông 7m³ Hyundai BS cũ 57M - 2776; số khung: KMCDH18SPAC045909; số máy: D6CAA191561; biển kiểm soát 35C-022.41
- 01 Xe bồn bê tông 7m³ Hyundai; số khung: KMCDH18SPAC045827; số máy: D6CAA193233; biển kiểm soát 35C-022.26
- 01 Xe trộn bê tông DAEWOO; số khung: KL3K4MRF17K000473; biển kiểm soát 35C-022.98
- 01 Xe trộn bê tông DAEWOO; số máy: DV11S800536XA; số khung: KLTBL4MR19K000012; biển kiểm soát 35C-022.68
- 01 Xe bơm bê tông DAEWOO; số máy: D6CB6-126925; số khung: C013681; biển kiểm soát 35C-022.85

- 01 Xe trộn bê tông SSANG YOUNG; số máy: D2848M-8000003; số khung: AU745L571-004054; biển kiểm soát 35C-025.94
- 01 Xe trộn bê tông nhãn hiệu SSANG YOUNG; số máy: D2848M-100686; số khung: AU745L571-004196; biển kiểm soát 35C-025.60
- 01 Xe tải gắn cầu HINO; số khung: RNJFC9JLS9XX-12193; số máy: JO5E TE11632; biển kiểm soát 35C-024.83
- 01 Xe tải ben hiệu Hyundai SX 2010 của Hàn Quốc; số khung: KMCDB 180 PAC 041326; số máy: DACA 185566; biển kiểm soát 35C-025.37.
- 01 Xe bơm bê tông Hyundai; số khung: KMFDA18SPAC040229; số máy: D6CA9182130; biển kiểm soát 35C-027.32
- 01 Xe chuyên trộn bê tông Hyundai; số khung: KMCD18SPAC045860; số máy: D6CAA193316; biển kiểm soát 35C-026.44
- 01 Xe chuyên trộn bê tông Hyundai; số khung: KMCDH18SPAC045861; số máy: D6CAA195295; biển kiểm soát 35C-029.72
- 01 Ô tô cần trục Sany QY26 BKS: 34L-6653; biển kiểm soát 35C-033.71
- 01 Xe chuyên trộn bê tông Hyundai; số khung: KMCDH18SPAC045824; số máy: D6CAA193234; biển kiểm soát 35C-026.78
- 01 Xe chuyên trộn bê tông Hyundai; số khung: KMCDH18SPAC015823; số máy: D6CAA193236; biển kiểm soát 35C-028.60
- 01 Máy đào bánh xích Kobelco SK210NLC-6; số khung: YQ07-03715; số máy: 6D34-075338; biển kiểm soát 35XA-0430
- 01 Xe ô tô tải (tự đổ) 15T hiệu Hyundai; số khung: KMCDB18TP8C 024792; số máy: D6CB7150302; biển kiểm soát 35C-027.13
- 01 Xe ô tô tải hiệu Hyundai; số khung: KMCDB18SPAC042925; số máy: D6CAA188055; biển kiểm soát 35C-029.56
- 01 Bộ đầu khoan thủy lực D10 mới 100%+ Moto thủy lực của Rex Roth mới 100 (Đức)+ Hộp số giảm tốc hành tinh nhập ngoại của I SX2011 mới 100%+ 2 cần khoan Kelly bar, loại ma sát 4 đoạn+1 bộ gàu khoan nổi cầu được chế tạo tại V + các van chia thủy lực của YUKEN + 2 chuột khoan + cáp khoan
- 01 Xe lu rung hiệu SAKAI SV 512D; số khung: VSV18D-20458; số máy: RJ38105U138-160L
- 120 Cây thép cọc cừ Larsen dài 12m (109.584 kg x 16.909,09 đ)
- 30 cây thép cọc cừ dài 12m (27.396 kg x 16.636,36 đ)
- 01 Trạm trộn bê tông công suất 55m³ / h
- 01 Trạm trộn bê tông công suất 60m³ / h
- 75 Cây thép cọc cừ Larsen dài 12m (68.490 kg x 14.818,18)
- 01 Búa đêgiên đóng cọc
- 01 Máy phát điện 200 KVA Isu Zu – 201

- 40 Cây thép cọc cừ dài 12m (36.528 kg x 14.818,182)
- 02 Máy phát điện GSW-220D và GSW-310V
- 01 Trạm trộn bê tông
- 100 cây thép cọc cừ Larsen dài 12m (91.320 kg x 14.545,455)
- 10 Cây thép cọc cừ Larsen dài 12m (63.924 kg x 14.545,455)
- 01 Trạm trộn bê tông 60m³/h tự động, Phễu chứa 3 khoang - 9m, dùng 1 silô 60 tấn
 - 01 Máy khoan cọc nhồi TL bánh xích nhãn hiệu HITACHI Model KH 180-3 tải trọng 50 tấn; số động cơ: EP 100T21378; số seri 242P 001819
 - 01 Máy cầu TL Bánh xích 35 tấn Hitachi KH 125-2; Móc cầu 2 chiếc (35T và 5T), chiều dài cần 25m, chốt cương đầy đủ; số khung: 185-032; số máy: DS50-92688
 - 01 Máy xúc đào Daewoo Sola 200W-V; số khung: SL200 W-V-1645; số máy: DB58TI204731EB.
 - 01 Cần trục bánh xích Hitachi KH 180-3; số seri 242-1036X 1989, Móc cầu 2 chiếc 50T và 5T, chiều dài cần 25m, đầy đủ chốt cần, cáp cương; số khung: 242-1036; số máy: EP100T15038
 - 01 Máy đào bánh xích hiệu DAEWOO Solar 220LC-III hàn quốc; số khung: SL220LC-III-0556; số máy: D1146500494
 - 100 Cây thép cọc cừ Larssen dài 12m (91.320 kg x 16.090,9091)
 - 01 Cần khoan của máy khoan cọc nhồi TL bánh xích Hitachi dùng cho máy cầu KH 180-3 + móc 40T
 - 01 Máy đào bánh xích Komatsu PC220-5; số khung: PC220-35057; số máy: 6D95L-49594
 - 01 Xe xúc lật bánh lốp Liugong ZL40; số khung: G0700607; số máy: B407013024
 - 01 Xe xúc lật bánh lốp Liugong ZL40B; số khung: G0703041; số máy: B407035088
 - 01 Máy đào bánh xích Komatsu PC210-3; số khung: PC210-K10749; số máy: 6D105-102057
 - 01 Máy xúc lật Kobelco LK 600; số khung: LK 600A2151; số máy: NE 60041827
 - 01 Máy đào bánh xích KOBECO SK 210LC-6; số khung: YQ07-03553; số máy: 6D34-072648
 - 01 Máy đào bánh xích KOMATSU PC210-7; số khung: KMTPC049H87C73712; số máy: 6D102-26375097
 - 01 Máy đào bánh xích KOBECO SK 250NLC-6; số khung: LL08-03026; số động cơ: 6D34-080388

- 01 Máy đào bánh xích KOMATSU PC 200-6E; số khung: PC200-106922; số động cơ: 6D102-26263229
- 01 Máy ủi KOMATSU D40AM-5; số khung: D40 5-10255; số máy: 118586
- 100 Cây thép cọc cừ Lasen dài 12m 400x170x15,5 (91.320 kg) + Thép I 496x199x9x14 (9.540kg)
- 02 Bộ xe đúc và ván khuôn xe đúc đầm
- 02 Bộ cầu trục hai dầm tải trọng 40/10 tấn (theo HĐKT 0712/MĐ-CĐNB)
- 01 Công trục Q=(40+40) tấn, khẩu độ LK=42 mét, H=7 mét
- 01 Trạm trộn bê tông nhựa nóng 80T/h Model BTN 1200
- 01 Máy lu ba bánh thép (lu tĩnh) hiệu DYNAPAC Model CS12; số khung: CS12-0454; số máy: CS12
- 01 Máy khoan cọc nhồi bánh xích hiệu HITACHI Model KH 180-3; số khung: 242-1455; số động cơ: EP100T 18323
- 01 Máy khoan cọc nhồi ED 5.500; số seri: E92701
- 01 Máy đào bánh xích HITACHI EX75UR-3; số khung: 10VP011891; số động cơ: BD30-056531
- 01 Máy đào bánh xích KOMATSU PC100-3; số khung: PC100-18230; số động cơ: 6D95L-10565
- 01 Máy xúc, đào bánh xích nhãn hiệu KobelcoSK250LC-6; số khung: LL08-03025; số động cơ: 6D34-072794
- 01 Xe tời 50 tấn chiều cao nâng 24m + kết cấu thép công trục
- 01 Máy lu ba bánh thép (lu tĩnh) hiệu SAKAI Model R2S; số khung: RR2-11177; số động cơ: W04DA24617
- 01 Máy đào bánh lốp KOMASU PW130ES-6K; số khung: PW130-6KK35083; số động cơ: 21595710
- 01 Máy đào bánh xích KOMATSU; số động cơ : 21556263; số khung: PC210-7K 40863
- 01 Máy ủi KOMATSU D31P-18; số khung: D31P18-43326; số máy: 6D95L-82348
- 01 Máy san gạt MISUBISHI; số động cơ: 177384; số khung: MG3-7395
- 01 Xe ô tô tải hiệu Huyndai; số khung: KMCDB18SPAC042915; số máy: D6CAA187866; biển kiểm soát 35C-029.53
- 01 Xe ô tô tải tự đổ hiệu Huyndai; số khung: KMCDB19SP4C035005; số máy: D6CA4092363; biển kiểm soát 35C-030.32
- 01 Xe ô tô tải tự đổ hiệu Huyndai; số khung: KMCBD18CPAC 038915; số máy: D6AC 9184833; biển kiểm soát 35C-029.73
- 01 Máy lu tĩnh bánh lốp hiệu SAKAI Model TS7409; số khung: TS9-33819

- 01 Xe ô tô tải tự đổ hiệu Hyundai; số khung: KMCDB18LPBC047747; số máy: D6HAA-193169; biển kiểm soát 35C-038.33
- 01 Máy ủi K; số khung: D31P17-34755; số máy: 4D1052-166070
- 01 Xe lu rung hiệu HAMM 2420D; số khung: 41270939111; số động cơ: 00125388
- 01 Xe ủi K1; số khung: D403-7060; số máy: 6D105-68616
- 01 Máy ủi bánh xích Komatsu D41 Model D31P-17; số khung: 34601
- 02 Bộ xe đúc + ván khuôn (38,729,71 kg)
- 02 Bộ xe con nâng dầm
- 01 Máy lu rung Hamm Model 3414; số seri: 47503
- 01 Máy lu rung Hamm Model 2520D; số seri: 47132
- 01 Máy rải bê tông nhựa DEMAG Model DF135C; số khung: 33676
- 01 Bộ đầu khoan thủy lực D10 gồm: đầu khoan D10, một thủy lực cửa rex R, hộp giảm tốc hành trình nhập ngoại Italia, 1 cần khoan Kelly bar, 1 bộ giàn khung nsôi cầu
- 01 Máy cầu thủy lực bánh xích Kobelco 7055, móc cầu 2 chiếc (móc 55 tấn và móc xoay), chiều dài cần 33,53m; số seri: GB00616; số động cơ: 6D22-200177
- 01 Máy xúc đào hiệu Daewoo Solar 220LC-III; số khung: SL220LC-III-2196; số máy: D1146800122EF
- 01 Xe ô tô du lịch nhãn TOYOTA LANDCRUISER PRADO TX-L; số khung: JTEBX9FJ3AK002495; số máy: 08472352TR; biển kiểm soát 35H – 0225
- 01 Bộ cần kelly bar cho máy khoan cột buồm Soilimec SR80C theo HĐ số 2712/2017/HĐKT/GH-MĐ
- 01 Bộ cần Kelly-bar cho máy khoan cột buồm Soilmec
- 01 Cầu tháp LIEBHERR HC 290 theo HĐ mua bán cầu tháp số V-12/2018-TSC-001-Minh Đăng
- 01 Xe cần trục bánh xích 150 tấn, hãng S, M: 7150; số khung: JJ00017; số máy: 6D22-150693, chiều dài cần chính: 60m.
- 01 Xe ô tô LX 570 hiệu LEXUS 7 chỗ màu đen; số khung: 00W794019647; số máy: 3UR3031823; biển kiểm soát 35A - 039.99

2.2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N tự chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 18.600.000 đồng (*mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng*) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng N không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 124.200.000 đồng (*một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0000114 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Công ty TNHH MTV M nộp 127.128.325 đồng (*một trăm hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi tám nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Phương